

Culture & Civilisation



Văn hoá
(tính nội kết cộng đồng)
&
Văn hiến
(bề dày của văn hoá)

1. Văn hóa = đồ hình

Tylor :

Configuration

=

disposition

des

Réflexes

Automatismes

routines

Conditionnements

Culture

=

Configuration

des

mœurs,

coutumes,

Habitudes,

Traditions...

...

Tylor :

Văn hóa

=

đồ hình

=

sự bày đặt

Các phản xạ

Các phản ứng

Các hành động có điều kiện

Văn hóa

=

đồ hình

=

sự bày biện

Thói quen

Phong tục, tập quán

Truyền thống

...

2. Văn hoá = tính tổ chức

E. Morin

Culture

=

Organisation

des connaissances, expériences, consciences...

=

Gestion du milieu d'une communauté

Culture =

Omniprésence dans l'infrastructure
et dans la superstructure

=

l'ultrastructure.

3 cultures :

1. Culture humaniste
(*beau, bien, bon*)

2. Culture de masse

(*culture de consommation*)

3. Culture scientifique

(*pouvoir combinatoire entre la science,
la technologie et l'industrie*).

E. Morin

Văn hoá = tính tổ chức
Của kiến thức, kinh nghiệm, ý thức.

Văn hoá =

Có mặt trong hạ tầng kiến trúc, thượng
tầng kiến trúc = siêu tầng

3 Văn hoá

1. Văn hoá nhân bản
(chân, thiện, mĩ)

2. Văn hoá đại chúng
(Văn hoá tiêu thụ)

3. Văn hoá khoa học
(liên minh của khoa học,
kỹ thuật, công nghiệp).

3. Văn hoá = tính xếp đặt

Camilleri

Culture

=

Agencement
des traditions, connaissances

=

Agencement
des comportements...
répétitifs

=

conformisme dormant

Camilleri

Văn hoá

=

Sự xếp đặt các truyền thống, các
hiểu biết

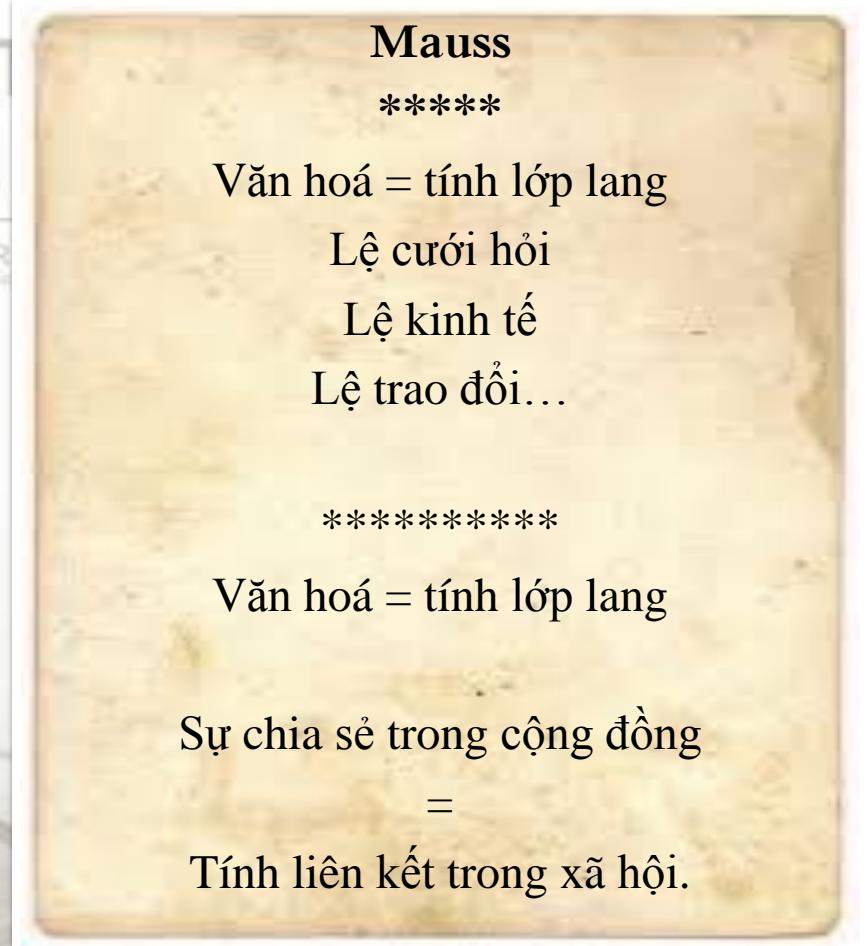
=

Sự xếp đặt các thói quen
được lập đi lập lại

=

Tính tuân lệ thụ động
(ngủ quên trên thói quen,
không sáng tạo).

4. Văn hóa = tính lớp lang



5. Văn hoá = sự phối hợp giữa chia chung và kết nối

Mauss

Culture =

combinaison entre partage des biens et lien communautaire

combinaison

entre héritages et patrimoines.

fondement de l'anthropologie

=

A donne à B

(don)

B rend à A

(contre-don)

=

La vie sociale :

donner-recevoir-rendre

Mauss

Văn hoá =

sự phối hợp giữa chia chung và kết nối

Văn hoá =

sự phối hợp tài sản cộng đồng
và bảo tồn tài sản tổ tiên

Cơ sở của nhân học (dân tộc học)

A tặng (cho) B

(1. món)

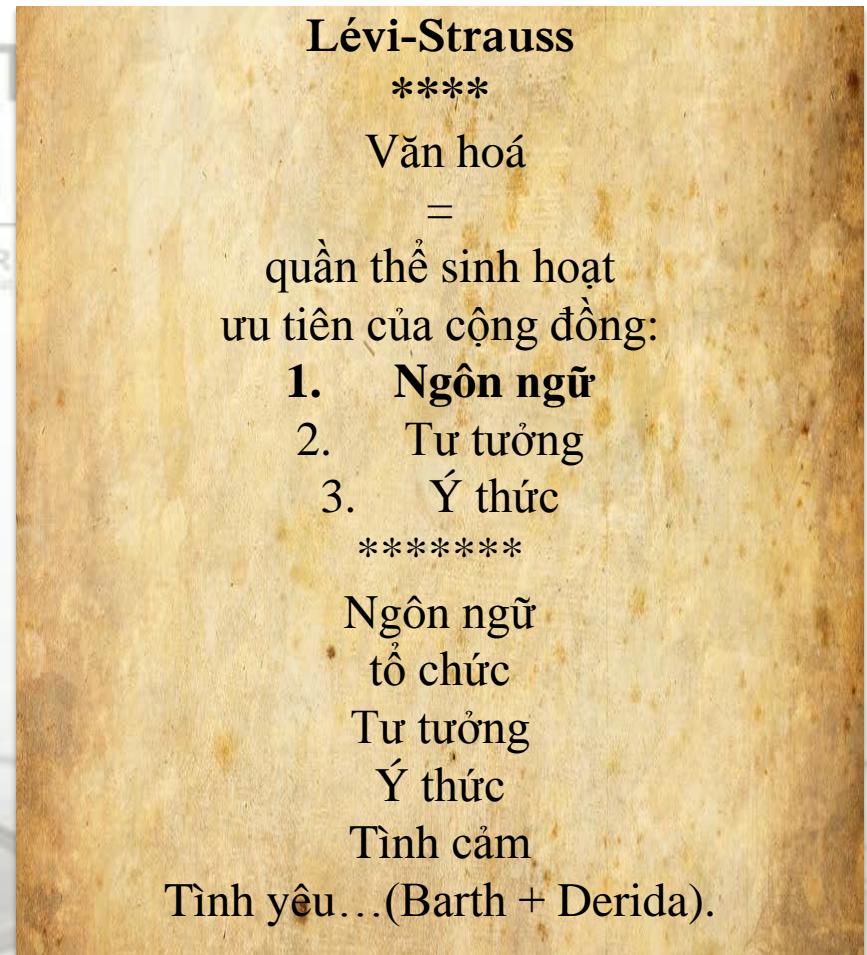
B tặng (cho) lại A

(1. món khác nhưng tương đương)

đời sống xã hội :

tặng- nhận- trả

6. Văn hoá = quần thể sinh hoạt ưu tiên của cộng đồng



7. Văn hóa = hành trình thu dụng

Culture = Influences

Culture française :

* L'âge baroque :
(influence espagnole)

* La renaissance :
(influence italienne)

* Le romantisme
(influence allemande)

* Le symbolisme :
(influence de l'Europe de l'Est).

Le culturel
est constitutif de l'interculturel

La pureté = un mythe

La consanguinité = un fantasme.

Văn hóa =
hành trình thu dụng

Quá trình ảnh hưởng lẫn nhau

Quá trình tư hữu hóa
sau khi giao tiếp nhau.

Văn hóa thuần giống, thuần tộc

=

huyền thoại

Văn hóa di truyền chính thống

=

mộng tưởng

(thơ lục bát, trống đồng, lệ ăn trầu...)

8. Văn hóa = mở

Ricœur

Culture

=

ouverture

vers l'extérieur

ouverture

vers le dehors

ouverture vers des ressources extérieures

pour renforcer :

*la racine, *l'origine, *la source.

l'extérieur = la vie

+

l'extérieur = la survie

l'extérieur =
l'intelligence de prolonger
la force d'une culture.

Ricœur

Văn hóa

=

mở

-Cởi mở

-Rộng mở

-Thông mở.

-Mở ra ngoài

-Gặp bên ngoài

-Nhận bên ngoài.

Tăng sức, tăng lực cho

*Rẽ.....*Cội..... *Nguồn

Bên ngoài =

tính thông minh của nhân loại

Tiếp sức cho văn hóa bên trong

9. Văn hóa = quan hệ chặt

N. ELIAS

LIENS

-Les normes humaines ne sont pas fixées
biologiquement.

-Les caractéristiques biologiques ne jouent aucun rôle
dans la formation des sociétés

culture = lien éphémère vers le lien durable

culture = valence

(motivation + intérêt + raison)

les liens affectifs =

la réponse aux besoins de la satisfaction affective

-les liens durables =

la réponse aux besoins de la stimulation émotionnelle

les liens sociaux =

les liens affectifs + les liens durables.

N. ELIAS

Văn hóa = quan hệ

-Quy phạm nhân tính không phải là quy phạm sinh
học

-Đặc tính sinh học không có vai trò gì trong sự thành
lập xã hội.

Văn hóa = có khả năng biến quan hệ chóng chày
thành quan hệ dài lâu.

Văn hóa = sự xúc cảm liên kết giữa cái lý, cái lợi, cái
muôn.

Văn hóa = quan hệ tình cảm để giải quyết nhu cầu
tình cảm

Văn hóa = quan hệ tình cảm để giải quyết kích thích
của xúc cảm.

Quan hệ xã hội

=

quan hệ tình cảm + quan hệ bền vững

10. Văn hóa = quan hệ giữa xã hội và nhân tính

E. Goffman

La sphère sociale et la finalité humaine

L'action intentionnelle de l'homme
s'inscrit dans la logique de la causalité.

Il y a des causes et des effets dans une action, mais aussi des réactions en chaîne et des répercussions durables dans le temps et dans l'espace.

l'enchaînement de causes et d'effets :

*l'intentionnalité * la motivation subjective *la résolution mentale.

l'homme dans ses interactions sociales se dévoile comme l'agent intelligent. Il est d'abord capable d'assurer son adaptation face aux environnements naturels et sociaux difficiles,

puis de mettre à son compte en terme de profits, des bénéfices, des intérêts en respectant les lois, les normes, les conventions en place,

enfin de rentabiliser ses ressources dans les jeux interactifs de la vie sociale.

E. Goffman

Không gian xã hội trong ý định con người

Ý muốn con người chi phối luật nhân quả

Có nhân và có quả trong hành động,

Trong cả sự phản hồi sau hành động

Trong hậu quả dây chuyền với tác động lâu dài

Trong không gian và thời gian

(có văn hóa bảo vệ môi trường,

Có văn hóa phá môi trường.

Sự thông minh của con người nằm trong sự thích ứng với môi trường thiên nhiên và xã hội phức tạp.

Rồi từ đó tìm cách thu lợi cùng lúc tôn trọng lề, luật, quy ước...

Sau cùng là tìm cách tăng lợi trên tài nguyên có sẵn trong môi quan hệ với đời sống xã hội.

10. Văn hóa = niềm tin chung và ý nghĩa sống

Alfred Schutz,

Des expériences d'un type particulier appelé " choc "
(étonnement + surprise = émotivité)

comme le moment de passage d'un monde à un autre:

1. s'endormir est un choc qui nous propulse dans le monde des rêves;
2. Le lever de rideau au théâtre qui nous pousse à entrer dans le monde de la scène;
3. concentrer le champ visuel dans le regard d'un tableau pour entrer dans le monde pictural;
4. l'éclat de rire suite à une plaisanterie qui nous pousse à entrer dans le monde de la fiction.

Il y a des régions de signification

=

le sens de l'expérience repousse au second rang la structure ontologique des objets

+

la croyance intervient pour donner la priorité sur ce monde.

Culture = entre croyance collective
et significations émotionnelles.

Alfred Schutz,

Những kinh nghiệm riêng biệt có thể gọi là « choc » (ngạc nhiên, sững sờ, giật mình...) đưa ta từ thế giới này qua thế giới khác :

1. Ngủ gật rồi rơi vào cơn mê;
2. Khi màn kịch kéo lên đưa ta vào một thế giới khác;
3. Tập trung nhìn một bức tranh rồi đi vào thế giới tranh;
4. Choc nhau cười khi đùa giỡn đưa ta vào một thế giới mộng tưởng.

Có một vùng nội tâm cho một ý nghĩa sống

*Sự nhạy cảm tới từ kinh nghiệm đầy lùi cấu trúc bản thể cái tôi đối với sự vật.

***Niềm tin xen vào cuộc sống đặt lại
mọi trật tự ưu tiên.**

Văn hóa =

niềm tin chung của tập thể và
ý nghĩa sống cội nguồn của cảm xúc

11. Văn hoá = cùng chia nhau một thế giới chung

Partage d'un monde commun

Se décenter de soi

Un dépaysement dans le Partage du passé

Construire l'avenir à partir du passé

les trésors hérités du passé digérés et
récréés par le présent

Partage du passé

Cùng chia nhau một thế giới chung :

Bỏ cái tôi trung tâm

Xa xú hiện tại để tìm về quá khứ

Xây dựng tương lai trên quá khứ

Kho tàng thừa hưởng của
quá khứ sẽ điều kiện hoá tương lai

Cùng chia nhau quá khứ

Quá khứ : thế giới vô cùng
sinh động của văn hoá.

12. Văn hóa = giữa hiểu biết và hương vị

Savoir :
**L'enracinement individuel
dans l'émotion collective**

**l'émotion individuelle
dans les relations
communautaires.**

Saveur :
**L'amour partagé dans les
goûts et les saveurs**

**L'habitude se forge dans les
odeurs et les gestes...**

Hiểu biết :

**Cội rễ hoá cá nhân trong
sự xúc cảm của tập thể.**

**sự xúc cảm cá nhân trong
quan hệ cộng đồng.**

Hương vị :

**Tình cảm được chia sẻ qua
hương vị, mùi vị.**

**Thói quen được rèn luyện qua
sự nhạy cảm của vị giác và
hành vi...**

13. Văn hoá = giữa ký ức và quan hệ huyết thống

Culture = mémoire

Mémoire = lien

L'enjeu entre la liberté et la religion :

1. La liberté offre la laïcité mais pas le lien.
2. La religion limite la liberté mais offre le lien

Quand on méprise la culture,
on sépare les gens.

Quand on partage les mêmes expériences, savoirs,
habitudes...

On sait qu'on vit
dans le même monde.

Quand on prend le partage des connaissances pour
fabriquer la connivence.

On sait qu'on sera à l'aise
dans l'ère du temps.

Văn hoá = ký ức

ký ức = quan hệ huyết thống

1. *Tự do cho ta tính vô thần nhưng không tăng ta quan hệ huyết thống.*

2. *Tôn giáo giới hạn tự do
Nhưng tăng ta quan hệ huyết thống.*

Văn hoá : quan hệ huyết thống

Khinh chê văn hoá tức là tạo rã chia rẽ giữa
người và người.

*Chia nhau hiểu biết để
Tạo ra sự đồng cảm*

Sự đồng cảm tạo ra sự thoải mái
Trong môi trường sống.

14. Văn hóa = Thực thể của cuộc sống



Văn hóa
=
Không phải là phạm trù
Của chuyện tư tưởng cao xa.

Khả năng dùng kinh nghiệm
để tư duy qua thực nghiệm
để có câu trả lời thích đáng
cho hiện tại.

Văn hóa
=
Ý Thức

Văn hóa :
Sử dụng để xử lý tối đa
của kiến thức để biến thành
tối đa của ý thức

15. Văn hoá = Văn hoá hoá (hành vi)

se cultiver

=

C'est labourer sa nature
pour l'ouvrir à la lumière,
à l'eau du ciel

et l'ensemencer de connaissances.

se cultiver

=

exiger de soi même.

Văn hoá (hoá) hành vi

=

Cày đất lên để đưa ánh
sáng, nước của trời vào
đất

Và đưa mầm của kiến thức
vào đất

Văn hoá hoá

=

Nghiêm túc hoá hành vi.